TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 309/2025/DS-PT
Ngày: 15 - 9 - 2025
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản và tranh chấp về quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng

Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Anh – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quốc Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 788/2024/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc "*Tranh chấp chia thừa kế và tranh chấp quyền sử dụng đất*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 851/2025/QĐ-PT ngày 29 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lâm Thị Huỳnh M, sinh năm 1939 (chết ngày 05/7/2024)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lâm Thị Huỳnh M:

1. Ông Lâm Văn H, sinh năm 1954. Cư trú tại Hoa Kỳ
2. Ông Lâm Huỳnh L, sinh năm 1964 (Chết 26/9/2016)
3. Bà Lâm Kim T, sinh năm 1957, (có mặt).
4. Bà Lâm Kim D sinh năm 1959, (có mặt).
5. Ông Lâm Trọng L1, sinh năm 1966, (có mặt).
6. Ông Lâm Trọng Q, sinh năm 1971, (xin vắng mặt).

7. Ông Lâm Trọng L2, sinh năm 1961, (có mặt).

Cư trú tại: ấp Đ, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang (nay là ấp Đ, xã T, tỉnh An Giang).

- *Bị đơn:* Ông Lâm Ngọc H1, sinh năm 1943 (đã chết).

Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lâm Ngọc H1:

+ Bà Lâm Thị Kim H2, sinh năm 1970; nơi cư trú: số C, C, M, Lower H3, W, NewZealand, (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của bà H2: ông Lâm Huỳnh Ngọc H4, sinh năm 1972; nơi cư trú: số A, đường T, tổ C, khóm Đ, TT. N, huyện T, tỉnh An Giang (nay là số A, đường T, tổ C, khóm Đ, xã T, tỉnh An Giang) (theo Giấy ủy quyền ngày 21/6/2023), (có mặt).

+ Ông Lâm Huỳnh Ngọc H4, sinh năm 1972; nơi cư trú: số A, đường T, tổ C, khóm Đ, TT. N, huyện T, tỉnh An Giang (nay là số A, đường T, tổ C, khóm Đ, xã T, tỉnh An Giang), (có mặt);

+ Ông Lâm Nguyễn Anh H5, sinh năm 1975; nơi cư trú: tổ C, ấp C, huyện P, tỉnh Kiên Giang (nay là tổ C, ấp C, đặc khu P, tỉnh An Giang), (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lâm Văn Đ (G), sinh năm 1961, (có mặt);

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Luật sư Phan Thành T1, (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị H6 (M), sinh năm 1968, (vắng mặt);

3. Bà Lâm Anh Đ1, sinh năm 1984, (vắng mặt);

4. Bà Lâm Thảo N, sinh năm 1992, (vắng mặt);

Cùng cư trú: Số A, đường T, Tổ C, khóm N, TT. N, huyện T, tỉnh An Giang (nay là số A, đường T, ấp N, xã T, tỉnh An Giang).

5. Ông Lâm Trọng L2, sinh năm 1961, (có mặt);

6. Bà Trần Thị Kim C, sinh năm 1961, (vắng mặt);

Cùng cư trú: ấp Đ, TT. N, huyện T, tỉnh An Giang (nay là ấp Đ, xã T, tỉnh An Giang).

Người đại diện theo ủy quyền của bà C: ông Lâm Trọng L2, sinh năm 1961 (Theo văn bản ủy quyền ngày 15/8/2023), (có mặt).

7. Bà Lâm Thị T2, sinh năm 1936; nơi cư trú: số E, đường C, phường A, TX. C, tỉnh Tiền Giang (nay là số E, đường C, Phường M, tỉnh Đồng Tháp), (vắng mặt).

8. Ông Lâm Văn P, sinh năm 1970, (vắng mặt);

9. Bà Nguyễn Trang Xuân T3, sinh năm 1968, (vắng mặt);

Cùng cư trú: tổ C, ấp N, TT. N, huyện T, tỉnh An Giang (nay là tổ C, ấp N, xã T, tỉnh An Giang).

Người đại diện hợp pháp của bà Lâm Thị T2, bà Nguyễn Thị H6 (M), bà Lâm Anh Đ1, bà Lâm Thảo N, ông Lâm Văn P, bà Nguyễn Trang Xuân T3: ông Lâm Văn Đ (G), sinh năm 1961; nơi cư trú: tổ C, ấp N, TT. N, huyện T, tỉnh An Giang (nay là tổ C, ấp N, xã T, tỉnh An Giang) (Theo Giấy uỷ quyền ngày 11/4/2018, Giấy uỷ quyền ngày 22/9/2018, Giấy uỷ quyền ngày 20/5/2019), (có mặt).

Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Lâm Văn Đ (Giác).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Nguyên trước đây cha, mẹ tôi là ông Lâm Ngọc H7 (chết năm 1998) và bà Mai Thị R (chết năm 2005) có tạo lập được diện tích đất 7.575,3m^2, tọa lạc tại ấp Đ, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang. Trước khi qua đời, mẹ tôi có để lại di chúc chia cho tôi ½ diện tích đất nêu trên, còn ½ chia cho ông Lâm Ngọc Huỳnh . Hiện nay, một phần diện tích 7.575,3m^2 vợ chồng con tôi là Lâm Trọng L2 và Trần Thị Kim C cất nhà, phần đất còn lại ông Lâm Huỳnh Ngọc H4 (con ông H1) đang quản lý sử dụng cùng với căn nhà do cha mẹ tôi chết để lại. Tôi và con tôi nhiều lần trao đổi với ông H1 phân chia diện tích đất nêu trên cho rõ ràng, cụ thể nhưng ông Lâm Ngọc H1 và các con không đồng ý, muốn giữ nguyên hiện trạng đất. Trước đây tôi có yêu cầu chia thừa kế diện tích đất là 7.575,3m^2 và yêu cầu công nhận quyền hưởng di sản thừa kế đối với diện tích đất là 1000m^2 theo di chúc. Nay tôi xin rút lại yêu cầu này.

Ngoài di chúc phân chia diện tích 7.575,3m^2, mẹ tôi còn chia cho tôi thêm diện tích 1000m^2 đất tọa lạc tại ấp N, thị trấn N, huyện T. Lúc mẹ tôi còn sống, ông Lâm Văn Đ có hỏi mẹ tôi cho cất nhà ở nhờ nhưng mẹ tôi không đồng ý, lợi dụng lúc mẹ tôi trị bệnh ở Thành phố Hồ Chí Minh ông Đ ở nhà tự ý đốn cây cối cất nhà mặc dù nhiều lần ngăn cản. Nay tôi yêu cầu vợ chồng ông Lâm Văn Đ, bà Nguyễn Thị H6 và các con là Lâm Thảo N, Lâm Anh Đ1 di dở nhà trả lại cho tôi diện tích 134,5m^2 (đo đạc thực tế 136,7m^2) đất nằm trong diện tích 1000m^2 đất.

Ông Lâm Huỳnh Ngọc H4 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lâm Ngọc H1, bà Lâm Thị Kim H2 (do ông Lâm Huỳnh Ngọc H4 đại diện) trình bày: Cha mẹ tôi sinh được 3 người con gồm Lâm Thị Kim H2, Lâm Huỳnh Ngọc H4 và Lâm Nguyễn Anh H5; chị Lâm Thị Kim H2 hiện nay đang định cư tại NewZealand đã có ủy quyền cho tôi tham gia giải quyết vụ án. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc rút lại yêu cầu chia thừa kế diện tích 7.575,3m^2 chị em tôi không có ý kiến gì; riêng đối với yêu cầu của cô Lâm Thị Huỳnh M yêu cầu ông Lâm Văn Đ, bà Nguyễn Thị H6 và các con là Lâm Thảo

N, Lâm Anh Đ1 dở nhà trả lại diện tích 134,5m^2 đất nằm trong diện tích 1000m^2 chị em tôi không có ý kiến gì đối với di chúc của bà Mai Thị R và cũng không tranh chấp gì đối với diện tích đất cô M tranh chấp với vợ chồng ông Đ. Tôi thống nhất nội dung cô Lâm Thị Huỳnh M khởi kiện ông Đ. Sau khi có kết quả xét xử, giữa chị em tôi với cô M sẽ bàn bạc, thỏa thuận sau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Trọng L2, bà Trần Thị Kim C (do ông L2 đại diện theo ủy quyền) trình bày: Vợ chồng tôi thống nhất với lời trình bày của mẹ tôi là Lâm Thị Huỳnh M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn Đ, bà Lâm Thị T2, bà Nguyễn Thị H6, chị Lâm Thảo N, chị Lâm Anh Đ1 (bà T2, bà H6, chị N và chị Đ1 do ông Lâm Văn Đ đại diện theo ủy quyền) trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp trước đây là của ông bà ngoại tôi Lâm Ngọc H7 và Mai Thị R cho mẹ tôi là Lâm Thị T2 vào năm 1968 diện tích khoảng 1000m^2, khi cho không có giấy tờ gì thể hiện. Năm 1982, mẹ tôi về Tiền Giang sinh sống để lại toàn bộ diện tích đất trên cho vợ chồng tôi sử dụng ổn định đến nay. Nay, bà Lâm Thị Huỳnh M yêu cầu vợ chồng tôi và các con tôi dở nhà trả lại diện tích 134,5m^2 đất thì chúng tôi không đồng ý vì đã ở ổn định trên đất từ năm 1968 đến nay. Còn tờ di chúc bà M cung cấp cho Tòa làm căn cứ đòi lại đất của tôi thì tôi yêu cầu Tòa án xem xét lại giá trị pháp lý của tờ di chúc đó vì bà ngoại tôi là bà R không có di chúc cho bà M tài sản gì. Nếu có giấy tờ gì chứng minh đất này là của bà Lâm Thị Huỳnh M thì vợ chồng tôi đồng ý trả lại.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lâm Thị Huỳnh M trình bày:*

Phần đất tranh chấp này đều được nguyên đơn, bị đơn, người liên quan cũng như qua các biên bản xác minh của chính quyền địa phương xác nhận nằm trong diện tích đất 733,6m^2 là đất của cụ H7, cụ R. Trên phần đất này có 02 căn nhà, 01 căn do ông Lâm Văn P sử dụng, 01 căn do ông Lâm Văn Đ sử dụng. Đối với căn nhà do ông P sử dụng, trước đây cụ R đã đồng ý cho bà T2 nên nguyên đơn không tranh chấp phần này. Năm 2004 ông Đ tự ý xây dựng căn nhà sát vách nhà ông P nhưng không có sự đồng ý của cụ R, bà M.

Ông Đ cho rằng bà T2 là con nuôi của cụ R, cụ H7 nên phần đất ông đang ở do ông bà ngoại cho mẹ ông bà T2, nhưng ngoài lời nói của ông Đ thì ông không có gì để chứng minh cụ H7, cụ R cho bà T2. Và nó còn phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ, khi ông Đ xây dựng nhà thì cụ R đã ngăn cản, tranh chấp.

Tại biên bản lời khai của ông Lâm Văn P (em ông Đ) trình bày: Nhà và đất của ông đang ở là của bà T2 để lại. Năm 20004 ông Đ không có chỗ ở nên về cất nhà tạm sát vách nhà của ông P để ở. Và theo Báo cáo số 58 ngày 30/08/2004 và công văn số 25 cũng xác định cụ R chỉ cho bà T2 một phần đất có nhà hiện nay ông P đang quản lý. Ngoài ra, cụ R, cụ H7 không có cho bà T2 phần đất nào khác.

Từ trình bày, phân tích trên xác định, lúc còn sống cụ R có cho bà T2 một phần đất cất nhà, hiện nay do ông P sử dụng (đất này nguyên đơn không tranh chấp). Đến năm 2004 bà T2 cất thêm 01 căn nhà sát vách nhà cũ cho ông Đ thì cụ R đã ngăn cản, tranh chấp. Ông Đ không có chứng cứ, chứng minh đất tranh chấp là của cụ R cho bà T2 nên có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời đi nơi khác trả đất lại cho nguyên đơn.

** Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông Lâm Văn Đ trình bày*:

- Về nguồn gốc đất:

+ Là của cụ H7, cụ R vào năm 1968, cụ H7 cụ R cho lại bà T2 (mẹ ông Đ nhưng không làm giấy tờ) thửa đất khoảng 1.000 m^2 tọa lạc tại ấp N, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang.

+ Bà T2 làm nhà ở trên phần đất này, đến năm 1982 về thị xã C sinh sống và giao nhà đất cho ông Đ quản lý sử dụng. Từ đó cho đến năm 2013 không phát sinh tranh chấp.

+ Đến tháng 08/2013 Đ làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phát sinh và tranh chấp với ông H1. Tại Công văn số 118 ngày 05/08/2013 của UBND thị trấn N, ông H1 thừa nhận "phần đất tranh chấp là của cha mẹ ông chết để lại không có di chúc". Nay bà M lại cho rằng có di chúc của bà R để lại cho bà là có hiệu lực.

- Cụ H7, cụ R có 03 người con cụ thể:

+ Bà Lâm Thị Huỳnh M, ông Lâm Ngọc H1 và bà Lâm Thị T2 (con nuôi), xét về nguồn gốc đất, thời gian sử dụng đất của bà T2 đã sử dụng ổn định trong suốt thời gian dài. Mặc dù việc cho đất của cụ H7, cụ R không có giấy tờ, bà T2 có giấy khai sinh xác định là con nuôi của cụ H7, cụ R nên việc cho đất của cụ H7, cụ R cho đất bà T2 là có căn cứ.

- Về giá trị pháp lý của bản di chúc ngày 20/05/2004:

Tại Văn bản số 25/UBND-TP ngày 03/11/2014 của UBND thị trấn N ghi nhận "Diện tích đất 950m^2" là của cụ H7, cụ R chết không để lại di chúc.

Tại Thông báo số 118/TB-UBND ngày 05/08/2013 của UBND thị trấn N "Ông H1 thừa nhận phần đất tranh chấp là của cha, mẹ chết để lại không có di chúc". Vậy cho thấy bà M xuất trình bản di chúc của cụ R cho bà M là không hợp pháp.

Ngoài ra, khi ông H1 tranh chấp với bà T2 về việc cất nhà cho con, thì cụ R có ủy quyền cho ông H1 để giải quyết khiếu nại, tranh chấp. Nếu cho rằng cụ R có tờ di chúc cho bà M thì tại sao lại không ủy quyền cho bà M. Nếu bà M được cho đất thì bà M phải tranh chấp đất với ông Đ để ngăn cản việc xây cất nhà.

Về hình thức, nội dung của bản di chúc ngày 20/05/2004 chưa đúng với quy định tại khoản 1 Điều 10, Điều 11 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ quy định về công chứng, chứng thực không có sổ bộ lưu trú tại nơi cơ quan chứng thực.

Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà M về việc yêu cầu ông Đ, bà H6 và các con di dời căn nhà xây dựng trên đất 136,5m^2 để trả lại đất cho bà M.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 217, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 158, Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Huỳnh M.

+ Buộc ông Lâm Văn Đ, bà Nguyễn Thị H6 (M), chị Lâm Anh Đ1 chị Lâm Thảo N có trách nhiệm tháo dở căn nhà có kết cấu theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang. khung gỗ, cột gỗ, mái tole, vách tole để trả lại cho bà Lâm Thị Huỳnh M diện tích 136,7m^2, được thể hiện tại các điểm 6, 7, 8, 19, 18, 17 theo bản gốc trích đo hiện trạng khu đất lập ngày 02/8/2017 của Văn phòng Đ3 chi nhánh T5. Đất tọa lạc tại ấp N, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang.

+ Ông Lâm Văn Đ, bà Nguyễn Thị H6, Lâm Thảo N, Lâm Anh Đ1, Nguyễn Thị C1, Nguyễn Lâm Trí K được lưu cư trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Đình chỉ yêu cầu chia thừa kế diện tích 7.575,3m^2 và yêu cầu công nhận quyền hưởng di sản thừa kế đối với diện tích đất là 1000m^2 của bà Lâm Thị Huỳnh M.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 31/01/2024, ông Lâm Văn Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử lại theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Lâm Văn Đ, Luật sư Phan Thành T1 trình bày: Về nguồn gốc của thửa đất tranh chấp, từ cụ H7 và cụ R, ông H7 và bà R có 3 người con, bà T2 là con nuôi. Ông H7 và bà R cho miệng bà T2, bà T2 làm nhà trên đất từ 1968, sau đó bà về quê chồng sinh sống, để lại nhà cho ông Đ sinh sống, ông Đ sống và thực hiện đủ nghĩa vụ thuế hằng năm. Tháng 08/2013 ông H1 tranh chấp với ông Đ diện tích đất hơn 1000m2 nêu trên, sau đó ông H1 có đơn khiếu nại và đã được giải quyết không chấp nhận. Bà Mai sau N1 khởi kiện xác định 2 cụ chết có di chúc để lại đất cho bà. Ông H1 xác

định 2 cụ chết không để lại di chúc tại biên bản hòa giải là phù hợp, điều này cho thấy di chúc là không có thật vì dù có chứng thực nhưng không có trong sổ lưu trữ. Theo quy định pháp luật thì bà T2 thuộc hàng thừa kế thứ nhất, bà T2 được quyền thừa kế theo quy định pháp luật. Bản án sơ thẩm tuyên xử không khách quan, bà T2 đã xuất trình giấy khai sinh do bà T2 đăng ký lại, trong đó có ghi rõ tên cha mẹ nhưng không được công nhận và thu thập, điều này đã vi phạm thủ tục tố tụng. Ông H1 đã xác nhận không có di chúc trước đó, điều này cho thấy phán quyết của cấp sơ thẩm là không có căn cứ, chưa thu thập đầy đủ chứng cứ quan trọng trong vụ án, vi phạm thủ tục tố tụng. Ngoài nơi này, gia đình ông Đ cũng không có nơi ở nào khác. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn Đ trình bày: Thống nhất ý kiến luật sư, đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà M - ông Lâm Trọng L2 trình bày: Luật sư trình bày không khách quan, thứ nhất khi cho rằng cho bà T2 diện tích 1000m2 đất là không có căn cứ. Đến năm 1993, cậu tôi tranh chấp đất với ông Đ. Ông Đ cho rằng có đóng thuế đầy đủ, trước khi ông Đ về thi bà ngoại tôi đóng, khi ông Đ về thì xảy ra tranh chấp nên không thu thuế. Khi cậu tôi khiếu nại thì mẹ tôi không làm được giấy ủy quyền nên mới không có cơ sở giải quyết. Di chúc ghi rõ số chứng thực, số quyển, được ký tên đóng dấu rõ ràng, lý do không có lưu trữ có thể do cơ quan làm thất lạc, chúng tôi đã thực hiện đúng quy định. Khai sinh của bà T2 là không đúng năm sinh của ông bà ngoại tôi, nếu khai sinh này là hợp lệ thì thực tế không liên quan gì đến ông bà ngoại tôi. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn - ông Lâm Huỳnh Ngọc H4 trình bày: Việc ông Đ và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Đ nêu ông H7 và bà R có 3 người con nhưng thực tế chỉ có khai sinh của 2 người con, đối với khai sinh của bà T2 là do bà T2 tự khai, không đúng sự thật. Tôi cho rằng giấy khai sinh này là không đúng sự thật. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét thấy bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ. Thời điểm xây dựng nhà trên đất đã có việc cụ R ngăn cản, lời trình bày của ông Đ là không có căn cứ chứng minh. Bản án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Lâm Văn Đ kháng cáo cho rằng phần đất tranh chấp có diện tích 136,7m^2 thuộc một phần đất diện tích khoảng 1.000m^2 tọa lạc tại ấp N, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang. Phần đất khoảng 1.000m2 này có nguồn gốc của cụ Lâm Ngọc H7 và cụ Mai Thị R tạo lập. Vào năm 1968, cụ H7, cụ R cho con nuôi là bà Lâm Thị T2 1.000m^2 đất này, việc cho bằng lời nói, không có giấy tờ. Bà T2 đã làm nhà ở trên đất. Đến năm 1982, bà T2 đi nơi khác sinh sống, để lại toàn bộ nhà đất cho vợ chồng ông Lâm Văn Đ tiếp tục quản lý, sử dụng từ đó cho đến nay. Ông Đ không đồng ý giao trả phần đất diện tích 136,7m^2 cho bà M.

[2] Hội đồng xét xử nhận thấy, cụ Lâm Ngọc H7 và cụ Mai Thị R được thừa hưởng từ cha mẹ hai phần đất có diện tích 7.500m^2 (thực đo 7.315,2m^2) và 1.000m^2 (thực đo 1.089m^2), tọa lạc thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 02/8/2017.

Tháng 01/1999, cụ H7 chết, không để lại di chúc. Sau đó, cụ R lập "Tờ cho đất" với nội dung: "…cụ R để lại tài sản cho người con gái là bà Lâm Thị Huỳnh Mai H8 diện tích 1.000m^2 (đo đạc thực tế 1.089m^2), vị trí đất nằm trên đường T hai bên; tiếp giáp với các hộ Lâm Ngọc T4, hộ Nguyễn Thị C2, sau hậu giáp nhà ông Bảy Đ2…" (BL 883). Tờ cho đất của cụ R được Phòng Tư pháp huyện Thoại Sơn chứng thực.

Ngày 20/5/2004, cụ R lập Di chúc có nội dung : "…cụ R có hai phần đất (7.500m^2 + 1.000m^2), tọa lạc thị trấn N, huyện T… cụ R đồng ý giao ½ tài sản này cho bà Lâm Thị Huỳnh Mai H8…" (BL661). Điều này thể hiện nguyện vọng của cụ R vẫn tiếp tục cho bà M được thừa hưởng phần đất có diện tích 1.000m^2.

Năm 2001, khi UBND huyện T chủ trương mở rộng đường T, thuộc trị trấn Núi Sập có đi ngang qua 02 thửa đất của cụ H7, cụ R. UBND huyện T đã thu hồi 841,70m^2 của 02 thửa đất trên và cụ R có văn bản ủy quyền cho con ruột là ông Lâm Ngọc H1 nhận tiền bồi thường, cây trồng trên đất bị thu hồi.

Ông Đ không cung cấp được tài liệu chứng minh cụ H7, cụ R đã cho bà T2 (mẹ ông Đ) phần đất có diện tích 1.000m^2 nói trên.

[3] Ngoài ra, vào năm 1998, khi cụ H7 còn sống, đã có tranh chấp đất với hộ sát ranh là bà Nguyễn Thị C3 tại vị trí 1.000m^2, tọa lạc thị trấn N, huyện T.

Khi giải quyết tranh chấp, cơ quan chuyên môn huyện T đã tiến hành đo vẽ sơ đồ vị trí đất tranh chấp vào ngày 10/11/1998. Sơ đồ ghi nhận từ đường T nhìn vào bên Phải (P) là đất của cụ H7; bên Trái (T) là đất của bà C3; cập bên Trái (T) đất của bà C3 là đất trống; rồi đến nhà của ông Lâm Văn P (con của bà T2); không có ghi nhận căn nhà nào khác của bà T2 hay của ông Đ. Sau đó, tranh chấp đất giữa cụ H7 với bà C3 đã được giải quyết xong, theo đó công nhận cho bà C3 được sử dụng diện tích 355,4m^2; còn lại 733,6m^2 là của cụ H7, cụ R. Phần nhà đất mà ông Đ đang sử dụng hiện nay nằm hoàn toàn trong 733,6m^2 đất của cụ H7, cụ R.

Năm 2004, bà T2 tranh chấp đất với cụ R tại địa phương. Tại Thông báo số 07 ngày 04/02/2004 của UBND thị trấn N về trả lời đơn khiếu nại của bà T2 thể hiện nội dung: "…cụ R chỉ công nhận phần đất trong phạm vi căn nhà của ông P vì khi nhà nước mở rộng lộ giới thì nhà bà T2 đã lùi vào chiếm thêm diện tích đất rất nhiều nên chỉ thống nhất theo hiện trạng đang sử dụng căn nhà hiện nay…". Tại Tờ trình ngày 15/10/2004 của cụ R, có xác nhận của UBND thị trấn N, cụ R trình bày: "…Riêng trường hợp của Lâm Thị T2 vì ở gần, giúp việc nhà nên khi nó có chồng; vợ chồng tôi có cho nó một cái nền nhà để cất nhà ở trên phần đất thờ cúng ông bà, sau này nó giao lại cho con trai nó ở đến bây giờ. Gần đây nó có hỏi tôi cất thêm cái nhà cho thằng con trai lớn của nó là Lâm Văn Đ, tôi không đồng ý thì nó thưa tôi…" (BL 551).

Tại bản khai ngày 04/5/2018, ông Lâm Văn P (con bà T2, em ông Đ) trình bày: "…Nguồn gốc nhà tôi ở hiện nay là của ông bà tôi để lại, mẹ tôi ở từ năm 1968, gồm một nhà lớn và một mái chái, lúc mở đường trước nhà do nhà bị mục nên dời nhà vô phía trong dồn thành một nhà. Sau khi ông Đ không còn ở tập thể của nhà trường nữa quay về sống chung với tôi và cất thêm căn nhà sát vách tôi để sinh sống cho đến ngày nay…".

Chính ông Đ cũng thừa nhận, trước đây gia đình ông ở nhà tập thể của nhà trường, đến năm 2004 ông mới về cất căn nhà ở khu đất trống cạnh sát bên nhà của bà T2.

[4] Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở xác định: trước đây cụ H7, cụ R có cho bà T2 cất nhà để ở trên phần đất của cụ H7, cụ R. Căn nhà được cất sát đường T, sau đó do mở rộng đường nên nhà của bà T2 được dời lùi về sau. Hiện nay căn nhà đang do ông P sử dụng, có diện tích khoảng 94m^2. Sau đó, đến năm 2004, ông Đ về cất nhà ở ở khu đất trống, cạnh nhà của ông P.

Khi còn sống, cụ R công nhận cụ đã cho phần đất trong phạm vi căn nhà của ông P diện tích khoảng 94m^2, ngoài ra cụ R không cho phần đất nào nữa. Điều này phù hợp với việc khi ông Đ tiến hành cất nhà cạnh sát nhà ông P vào năm 2004 thì cụ R đã phản đối, ngăn cản.

Do đó, việc ông Đ trình bày cụ H7, cụ R đã cho bà T2 phần đất có diện tích 1.000m^2, trong đó có phần đất diện tích 136,7m^2 mà ông Đ đang sử dụng, là không có cơ sở. Căn nhà của ông Đ xây dựng trên phần đất diện tích 136,7m^2 là xây cất lấn chiếm trên phần đất trống của cụ R, cụ H7.

[5] Căn cứ Tờ cho đất và Di chúc của cụ R thì phần đất đang tranh chấp đã được cụ H7, cụ R để lại cho bà M thừa hưởng. Hiện nay, không có tranh chấp về di sản thừa kế của cụ H7, cụ R giữa các đồng thừa kế theo pháp luật của cụ H7, cụ R. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc gia đình ông Đ phải trả lại cho bà M phần đất đang tranh chấp là có căn cứ, đúng quy định. Không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Đ. Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm theo như đề nghị của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đ không phải chịu vì là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lâm Văn Đ.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Huỳnh M (những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà M gồm: ông Lâm Văn H, ông Lâm Huỳnh L, bà Lâm Kim T, bà Lâm Kim D, ông Lâm Trọng L1, ông Lâm Trọng Q, ông Lâm Trọng L2).

- Buộc ông Lâm Văn Đ, bà Nguyễn Thị H6 (M), chị Lâm Anh Đ1 chị Lâm Thảo N có trách nhiệm tháo dỡ căn nhà có kết cấu khung gỗ, cột gỗ, mái tole, vách tole theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, để trả lại cho bà Lâm Thị Huỳnh M (những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà M gồm: ông Lâm Văn H, ông Lâm Huỳnh L, bà Lâm Kim T, bà Lâm Kim D, ông Lâm Trọng L1, ông Lâm Trọng Q, ông Lâm Trọng L2) phần đất có diện tích 136,7m^2, được thể hiện tại các điểm 6, 7, 8, 19, 18, 17 theo Bản gốc trích đo hiện trạng khu đất lập ngày 02/8/2017 của Văn phòng Đ3 chi nhánh T5. Đất tọa lạc tại ấp N, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang nay là

- Ông Lâm Văn Đ, bà Nguyễn Thị H6, Lâm Thảo N, Lâm Anh Đ1, Nguyễn Thị C1, Nguyễn Lâm Trí K được lưu cư trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ yêu cầu chia thừa kế phần đất có diện tích 7.575,3m^2 và yêu cầu công nhận quyền hưởng di sản thừa kế đối với diện tích đất 1000m^2 của bà Lâm Thị Huỳnh M (những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà M gồm: ông Lâm Văn H, ông Lâm Huỳnh L, bà Lâm Kim T, bà Lâm Kim D, ông Lâm Trọng L1, ông Lâm Trọng Q, ông Lâm Trọng L2).

3. Chi phí đo đạc, định giá, thẩm định tại chỗ: Ông Đ, bà H6, chị Đ1, chị N có trách nhiệm trả cho bà Lâm Thị Huỳnh M (những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà M gồm: ông Lâm Văn H, ông Lâm Huỳnh L, bà Lâm Kim T, bà Lâm Kim D, ông Lâm Trọng L1, ông Lâm Trọng Q, ông Lâm Trọng L2) số tiền 2.400.000 đồng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lâm Văn Đ, bà Nguyễn Thị H6, chị Lâm Anh Đ1, chị Lâm Thảo N phải chịu là 478.500 đồng.

Bà Lâm Thị Huỳnh M (những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà M gồm: ông Lâm Văn H, ông Lâm Huỳnh L, bà Lâm Kim T, bà Lâm Kim D, ông Lâm Trọng L1, ông Lâm Trọng Q, ông Lâm Trọng L2) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền 6.628.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 01129 ngày 16/6/2008 và số tiền 3.412.500 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007872 ngày 07/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lâm Văn Đ (Giác) không phải chịu, trả lại cho ông Đ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000160 ngày 06/02/2024 nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VCTVKSXXPT tại TP Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- THADS tỉnh An Giang (1);
- Đương sự (19);
- Lưu VP(6), HS(2), 32b. (LMA)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Minh